

PHẦN 1 (Trắc nghiệm – 30 câu) *Làm ra giấy kiểm tra*

*Hãy viết chữ cái đầu tiên (A, B, C, D) đáp án tương ứng mà em chọn*

**Câu 1.** Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thì giống gà cho năng suất trứng cao nhất:

- A. Gà Mía      B. Gà Ri      C. Gà Leghorn      D. Gà Tam Hoàng

**Câu 2.** Chăn thả tự do thường được áp dụng trong mô hình:

- A. Nhà máy      B. Xí nghiệp      C. Nông hộ      D. Trang trại

**Câu 3.** Trong chăn nuôi thông minh, cần thực hiện liên kết 5 nhà:

- A. Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà nông, nhà khoa học, nhà quản lý  
B. Nhà quản lý, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà băng  
C. Nhà quản lý, nhà nông, nhà băng, nhà doanh nghiệp, nhà buôn  
D. Nhà nước, nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà băng, nhà khoa học

**Câu 4.** Chăn nuôi bán công nghiệp là

- A. Chăn nuôi tập trung mật độ cao, số lượng vật nuôi lớn  
B. Phương thức chăn nuôi kết hợp chăn nuôi công nghiệp và chăn thả tự do.  
C. Phương thức chăn nuôi cho phép vật được đi lại tự do, tự kiếm ăn.  
D. Số lượng vật nuôi lớn, được nhốt hoàn toàn trong chuồng trại.

**Câu 5.** Chăn nuôi bán công nghiệp giúp cho vật nuôi:

- A. Luyện tập các thói quen, tập tính của loài  
B. Chủ động tự do đi lại trong chuồng nuôi  
C. Ăn hoàn toàn thức ăn trong tự nhiên, tiết kiệm chi phí  
D. Tự do vận động, tìm kiếm một phần thức ăn

**Câu 6.** Trong chăn nuôi phải đảm bảo tất cả các đối tượng trong hệ thống đều được hưởng lợi, hệ thống đó bao gồm:

- A. Người sản xuất, vật nuôi, môi trường  
B. Người tiêu dùng, vật nuôi, môi trường  
C. Người chăn nuôi, người tiêu dùng, môi trường  
D. Con người, vật nuôi, môi trường

**Câu 7.** Phát triển chăn nuôi bền vững phải đảm bảo:

- A. Khai thác cạn tài nguyên      B. Thực phẩm thiếu an toàn  
C. Lạm phát về kinh tế      D. Lợi ích của vật nuôi

**Câu 8.** Ưu điểm NỔI BẬT của chăn nuôi bán công nghiệp giúp cho vật nuôi:

- A. Lớn nhanh hơn      B. Bị “stress” nhiều hơn  
C. Được đối xử tốt hơn      D. Không bị nhốt trong chuồng

**Câu 9.** Nhược điểm của chăn nuôi công nghiệp:

- A. Năng suất cao, kiểm soát dịch bệnh tốt  
B. Vốn đầu tư ban đầu lớn, năng suất thấp  
C. Tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường  
D. Xa khu dân cư, thuận lợi giao thông

**Câu 10.** Để được công nhận là giống vật nuôi thì tùy loài sẽ phải có số lượng vật nuôi như sau:

- A. Gia cầm – 10.000 con, lợn – 5.000 con, trâu (bò) – 300 con  
B. Gia cầm – 10.000 con, trâu (bò) – 300 con, lợn – 5.00 con  
C. Trâu (bò) – 300 con, gia cầm – 10.000 con, lợn – 5.00 con  
D. Lợn – 5.00 con, trâu (bò) – 3000 con, gia cầm – 1.000 con

**Câu 11.** Yếu tố quan trọng nhất quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi:

- A. Vệ sinh phòng bệnh      B. Chế độ chăm sóc  
C. Thức ăn      D. Giống vật nuôi

**Câu 12.** Việc kết nối từ trang trại chăn nuôi với thu gom, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi tạo thành:

- A. Liên kết các nguồn lực, điều kiện sản xuất  
B. Liên kết chuỗi khép kín “từ trang trại đến bàn ăn”  
C. Liên kết các khâu thành chuỗi khép kín  
D. Liên kết chuỗi “từ trang trại đến bàn ăn”

**Câu 13.** Ưu điểm của chăn nuôi công nghiệp:

- A. Vốn đầu tư ban đầu lớn, trang thiết bị hiện đại  
B. Năng suất cao, kiểm soát dịch bệnh tốt  
C. Xa khu dân cư, thuận lợi giao thông  
D. Thân thiện với môi trường, hiệu quả kinh tế cao

**Câu 14.** Đầu KHÔNG phải là phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta:

- A. Chăn nuôi công nghiệp      B. Chăn nuôi bán công nghiệp  
C. Chăn thả tự do      D. Chăn nuôi cơ giới hóa

**Câu 15.** Nhóm động vật nào dưới đây là vật nuôi thuần hóa?

- A. Sư tử, hổ, báo      B. Chó, mèo, trâu  
C. Gấu, khỉ, hươu      D. Nai, vượn, trăn

**Câu 16.** Việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi thông minh nhằm:

- A. Nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát toàn bộ quá trình chăn nuôi
- B. Nâng cao sản lượng và hiệu quả chăn nuôi
- C. Bao quát toàn bộ tình hình của trang trại
- D. Minh bạch thông tin cho người tiêu dùng

**Câu 17.** Nội dung KHÔNG thuộc điều kiện để được công nhận giống vật nuôi:

- A. Có số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng
- B. Có ngoại hình, năng suất giống nhau
- C. Được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người
- D. Có chung nguồn gốc, có tính di truyền ổn định

**Câu 18.** Hoạt động chăn nuôi các vật nuôi bản địa phải đảm bảo ... nguồn gen động vật:

- A. Bảo tồn, khai thác
- B. Bảo tồn, khai thác và phát triển
- C. Bảo tồn, phát triển
- D. Bảo tồn, khai thác và phát huy

**Câu 19.** Dựa vào mức độ hoàn thiện giống, giống vật nuôi được chia thành:

- A. Giống chuyên dụng, giống kiêm dụng, giống gây thành
- B. Giống sinh học, giống sản xuất, giống nguyên thủy
- C. Giống nội, giống nhập nội, giống quá độ
- D. Giống nguyên thủy, giống quá độ, giống gây thành

**Câu 20.** Từ động vật hoang dã trở thành vật nuôi, động vật trải qua quá trình:

- A. Huấn luyện
- B. Chọn lọc
- C. Thuần hóa
- D. Cho ăn

**Câu 21.** Vật nuôi bản địa là những giống vật nuôi được ... và ... ở một địa phương hoặc khu vực nhất định trên lãnh thổ Việt Nam:

- A. Thuần hóa, nhân giống
- B. Hình thành, nhân giống
- C. Hình thành, chăn nuôi
- D. Phát triển, chăn nuôi

**Câu 22.** Nhược điểm của chăn thả tự do:

- A. Không đảm bảo an toàn sinh học
- B. Năng suất cao
- C. Vật nuôi được tự do đi lại
- D. Chi phí đầu tư thấp

**Câu 23.** Ưu điểm của chăn thả tự do:

- A. Tận dụng phụ phẩm trong nông nghiệp
- B. Chi phí đầu tư thấp
- C. Vật nuôi được chăm sóc tốt
- D. Ô nhiễm môi trường

**Câu 24.** Con vật cung cấp sức kéo cho canh tác:

- A. Gà
- B. Dê
- C. Lợn
- D. Trâu

**Câu 25.** Các vật nuôi bản địa có khả năng thích nghi tốt với:

- A. Điều kiện khí hậu, tập quán canh tác
- B. Điều kiện khí hậu, tập quán chăn nuôi
- C. Điều kiện thức ăn, tập quán canh tác
- D. Điều kiện thức ăn, tập quán chăn nuôi

**Câu 26.** Cách vật nuôi: Lợn Đại Bạch (Yorkshire), gà Leghorn, bò Red Sindhi thuộc nhóm vật nuôi:

- A. Bản địa
- B. Ngoại nhập
- C. Nội địa
- D. Ngoại địa

**Câu 27.** Trong các loài vật dưới đây, loài nào là vật nuôi ngoại nhập?

- A. Lợn Ỉ
- B. Vịt Bầu
- C. Bò Red Sindhi.
- D. Gà Đông Tảo

**Câu 28.** Tên gọi các vật nuôi như gà Đông Tảo, lợn Móng Cái, bò vàng ... dựa vào cách phân loại vật nuôi:

- A. Bản địa
- B. Sinh học
- C. Nguồn gốc
- D. Sử dụng

**Câu 29.** Vật nuôi bản địa là những giống vật nuôi được hình thành và chăn nuôi ở một ... hoặc ... nhất định trên lãnh thổ Việt Nam:

- A. Địa phương, khu vực
- B. Vùng, miền
- C. Tỉnh thành, huyện xã
- D. Địa phương, địa giới

**Câu 30.** Đặc điểm của chăn nuôi công nghiệp:

- A. Số lượng vật nuôi ít
- B. Công nghiệp hóa nông nghiệp
- C. Mật độ thấp, rải rác
- D. Theo quy trình khép kín

**Câu 31.** Theo cách phân loại vật nuôi dựa vào đặc tính sinh học, thì lợn thuộc nhóm:

- A. Gia súc dạ dày 4 túi
- B. Gia súc dạ dày đơn
- C. Vật nuôi đẻ trứng
- D. Vật nuôi dưới nước

**Câu 32:** Giống vật nuôi là....., cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

- A. Hệ sinh thái
- B. Quần thể vật nuôi khác loài
- C. Quần thể vật nuôi
- D. Quần thể vật nuôi cùng loài

PHẦN 2 (Tự luận – 2 câu): **Làm ra giấy kiểm tra**

1. Với vai trò là người tiêu dùng, em có thể làm gì để gián tiếp đảm bảo phúc lợi động vật (bao gồm động vật chăn nuôi và động vật hoang dã)?

2. Gia đình em ở đô thị, có nuôi thú cảnh (chó, mèo). Em sẽ làm gì để đảm bảo phúc lợi cho vật nuôi đó?